

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Sở Công Thương có trách nhiệm cập nhật các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm công bố công khai thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, các thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các CQ thuộc UBND tỉnh (qua mạng);
- Các PCVP, các CV, CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ



Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 900 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Quản lý an toàn thực phẩm	
1.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm
2.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm
3.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm (trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)
4.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm (trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)
5.	Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước			
1	T-TTH-281196-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	<p>- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sơ giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa</p>

2	T-TTH-281197-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
3	T-TTH-281198-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
4		Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	<p>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá</p> <p>- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa</p>

5	T-TTH-228146-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
6	T-TTH-228143-TT	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

PHẦN II

NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực Quản lý an toàn thực phẩm

1. Xác nhận bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định):

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

+ Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04a (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. (Số lượng: 2 bản) ;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có);

+ Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;

+ Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất, chế biến thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp lao động.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc Cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Công Thương .

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả thực hiện TTHC: Bản xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Phí, lệ phí: Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04a (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

Căn cứ pháp lý:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT- BCT ngày 09 tháng 04 năm 2014 giữa Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Xác nhận bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định):

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

+ Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04b (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế). (Số lượng: 2 bản);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có);

+ Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm; +Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khoẻ để kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp lao động.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, Cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả thực hiện TTHC: Bản xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Phí, lệ phí: Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04b (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

Căn cứ pháp lý:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT- BCT ngày 09 tháng 04 năm 2014 giữa Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Cấp lại bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm (trong trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)**Trình tự thực hiện:**

- Đối với tổ chức, cá nhân:
 - + Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.
 - + Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.
- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:
 - + Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).
 - + Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- + Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định):

- + Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00
- + Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

- + Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;
- + Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04a (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.- Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả thực hiện TTHC: Bản xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Phí, lệ phí: Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04a (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Cấp lại bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (trong trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)**Trình tự thực hiện:**

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định):

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

+ Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04b (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Thời hạn giải quyết

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.- Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả thực hiện TTHC: Bản xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Phí, lệ phí: Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu số 04b (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

l Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:
 - + Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- + Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

- + Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- + Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định):

- + Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

- + Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

- + Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;
- + Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

1. Đối với tổ chức:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

- b) Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);
- d) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Đối với cá nhân:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

b) Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

c) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.
Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc

Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức và cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.
- Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.

Phí, lệ phí: 30.000đ/lần/người.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm Mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).
- Danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Mẫu số 02 (Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

Căn cứ pháp lý:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT- BCT ngày 09 tháng 04 năm 2014 giữa Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu 04a

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

(Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ)

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: UBND huyện, thành phố, thị xã

Cơ sở sản xuất:.....

Người đại diện:

Điện thoại:

Loại hình sản xuất:

Địa chỉ:

CAM KẾT:

Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Mục 7 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung 1 số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa Quốc tế, hóa chất, VLNCN, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, gồm các nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với địa điểm, cơ sở vật chất:

Khu vực sản xuất thực phẩm phải được bố trí tại địa điểm không bị ngập nước, đọng nước, ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại và có khoảng cách an toàn với các nguồn gây ô nhiễm khác.

Các công đoạn sản xuất sản phẩm thực phẩm phải được bố trí theo nguyên tắc và quy trình chế biến một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.

Nền nhà khu vực sản xuất phải bằng phẳng, thoát nước tốt, không gây trơn trượt, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; trần nhà không bị dột, thấm nước, rêu mốc và đọng nước.

2. Điều kiện đối với nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và nước sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm và bảo vệ môi trường

2.1. Nguyên liệu sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm phải bảo đảm:

a) Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc;

b) Được bảo quản phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn và hướng dẫn bảo quản của nhà cung cấp;

c) Không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

2.2. Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm sử dụng cho thực phẩm phải thuộc danh mục được phép sử dụng theo quy định của Bộ Y tế.

2.3. Cơ sở phải có đủ nước sạch để sản xuất, chế biến thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

2.4. Chất thải rắn, nước thải trong khu vực sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và của địa phương.

3. Điều kiện trong bảo quản, lưu giữ thực phẩm

Duy trì điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, thông gió và các yếu tố bảo đảm an toàn thực phẩm khác theo quy định và yêu cầu về bảo quản thực phẩm của nhà sản xuất.

Có biện pháp, dụng cụ chống côn trùng và động vật gây hại.

Sản phẩm thực phẩm không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

4. Điều kiện trong vận chuyển thực phẩm

Chủ cơ sở phải niêm yết tại cơ sở: Quy định đối với phương tiện, phương thức, điều kiện bảo quản và quản lý an toàn thực phẩm của sản phẩm trong quá trình vận chuyển thực phẩm trong khu vực sản xuất.

Không vận chuyển thực phẩm cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm.

5. Đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm

Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định.

Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe khi tham gia sản xuất thực phẩm; đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của cơ quan có thẩm quyền, người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được cấy phân và phải có kết quả âm tính với tác nhân gây dịch bệnh tiêu chảy này và vi khuẩn tả, lỵ trực khuẩn và thương hàn; việc xét nghiệm do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện.

Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh như Lao tiến triển, tiêu chảy cấp tính, bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan vi rút A hoặc E cấp tính, viêm đường hô hấp cấp tính, viêm da nhiễm trùng cấp không được tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm.

Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải mang trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đi găng tay chuyên dùng và đeo khẩu trang.

Người tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về thực hành vệ sinh: Giữ móng tay ngắn, sạch sẽ và không đeo nhẫn, đồ trang sức tay, đồng hồ; không được ăn uống, hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực sản xuất thực phẩm.

Cơ sở cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố/thị xã..... và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tình trạng mất an toàn thực phẩm./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Số xác nhận: /XNCK-Ký hiệu viết tắt cơ quan xác nhận

Giấy xác nhận này có giá trị hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 04b

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

(Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ)

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: UBND huyện, thành phố, thị xã

Cơ sở kinh doanh:.....

Người đại diện:

Điện thoại:

Nhóm sản phẩm kinh doanh: *(ghi cụ thể các nhóm sản phẩm kinh doanh tại cơ sở)*

Địa chỉ:

CAM KẾT:

Cơ sở kinh thực phẩm nhỏ lẻ tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Mục 8 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung 1 số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa Quốc tế, hóa chất, VLNCN, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, gồm các nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với địa điểm, cơ sở vật chất:

Cơ sở kinh doanh thực phẩm được bố trí tại địa điểm không bị ngập nước, đọng nước, không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, các nguồn gây ô nhiễm khác.

Không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại.

Nền nhà thoát nước tốt, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; trần nhà không bị dột, thấm nước.

Cơ sở phải có đủ nước hợp vệ sinh để kinh doanh thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc địa phương về chất lượng nước sạch sinh hoạt.

Có trang thiết bị hoặc biện pháp để duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo các quy định về bảo quản của nhà sản xuất và lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc thực phẩm.

Thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kho

Khu vực chứa đựng, kho bảo quản thực phẩm phải duy trì điều kiện nhiệt độ, độ ẩm; ánh sáng, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm theo các quy định về bảo quản sản phẩm của nhà sản xuất.

Có biện pháp phòng, chống côn trùng và động vật gây hại.

Sản phẩm thực phẩm không để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng có khả năng gây mất an toàn thực phẩm.

3. Điều kiện đối với chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm

Chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định.

Chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe khi tham gia kinh doanh thực phẩm; đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của cơ quan có thẩm quyền, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải được cấy phân và phải có kết quả âm tính với tác nhân gây dịch bệnh tiêu chảy này và vi khuẩn tả, lỵ trực khuẩn và thương hàn; việc xét nghiệm do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện.

Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh như Lao tiến triển, tiêu chảy cấp tính, bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan vi rút A hoặc E cấp tính, viêm đường hô hấp cấp tính, viêm da nhiễm trùng cấp không được tiếp xúc trực tiếp trong quá trình kinh doanh thực phẩm.

Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến và không bao gói phải sử dụng bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang).

Cơ sở cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố/thị xã..... và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tình trạng mất an toàn thực phẩm./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Số xác nhận: /XNCK-Ký hiệu viết tắt cơ quan xác nhận

Giấy xác nhận này có giá trị hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/cá nhân:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có) ; hoặc CMND đối với cá nhân số....., cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi/Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

(Danh sách (1) gửi kèm theo - Mẫu số 01).

Địa danh, Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân

Ký ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu có)

** Ghi chú:*

- (1): Áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

(Kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của.....)

[illegible]

Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận

Ký ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu có)

II. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước

1. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định):

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

+ Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Bản chính).

+ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế (bản sao);

+ Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình;

- + Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh) (bản sao);
- + *Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (bản sao);*
- + Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính (bản sao).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc Cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề bán lẻ rượu.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

Phí thẩm định:

- *Tại thành phố, các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

- *Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Trục thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;
- Có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;
- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;
- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Phải phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu;
- Phải phù hợp với quy định cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu được xác định theo nguyên tắc không quá một (01) giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trên một nghìn (1.000) dân.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- *Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực;*
- *Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa*

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 31

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH
BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng(1)

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2).... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:

.....(3)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2).... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:

.....(3)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư

số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.
- (4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

*** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng);

+ Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Bản chính);

+ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Bản sao);

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc Cá nhân đã được cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...)

Phí thẩm định:

- *Tại thành phố, các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

- *Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- *Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.*

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 33

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi:(1)

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng.....năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày....tháng....năm.....

do.... ..(1) cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày.... tháng....năm....do.... ..(1) cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh (2) sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây*):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức(2).... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3)....

của.....(4) sản phẩm rượu có tên sau:(5)

Được phép tổ chức(2).... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố(6)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3).... của
.....(4).... sản phẩm rượu có tên sau:(5)

Được phép tổ chức(2).... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố(6)

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

b) Đề nghị bổ sung:(7).....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2) Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

(5): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

(6): Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố.

(7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

3. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

*** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng);

+ Qua bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

+ Trường hợp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại (Bản chính - theo mẫu tại Phụ lục 34);

+ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Bản gốc hoặc bản sao).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc Cá nhân đã được cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Cấp lại lần thứ ...).

Phí thẩm định:

- *Tại thành phố, các thị xã:* 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- *Tại các huyện:* 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 34

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

_____, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi:(1)

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....(1) cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....(1) cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh (2) sản phẩm rượu, với lý do(3).....

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Ghi chú:

- " Bản chính" là các văn bản được ban hành có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan, đơn vị ban hành.

- " Bản sao" là các văn bản sao chụp lại từ bản chính có công chứng hoặc chứng thực.

4. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định):

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

b) Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu - phụ lục 23)

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

▪ Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

- Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
- Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.
- Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc Cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề bán lẻ thuốc lá.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phí thẩm định:

- Tại thành phố, các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Diện tích địa điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;
- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch

vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:(1)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:;
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên:;
- Địa chỉ:;
- Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:(3)
.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh
doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ
Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày
27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy
định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên cấp huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN CAM KẾT
VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN
VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kính gửi:(1)

1. Tên thương nhân :.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên cấp huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

*** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng);

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Bản chính – theo mẫu Phụ lục 50);

+ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (Bản sao);

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc Cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...)

Phí thẩm định:

Tại thành phố, các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013
của Bộ Công Thương)

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm 20.....

Kính gửi:(1).

- 39

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm(3)

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(0): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(1): Ghi rõ tên cấp huyện nơi thương nhân đã được cấp Giấy phép.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

6. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Trình tự thực hiện:

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn, nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng).

+ Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ và tiến hành thẩm định hồ sơ. Cụ thể:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

*** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

+ Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00

+ Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30

Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng);

Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

+ Trường hợp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Hồ sơ gồm:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp lại (Bản chính - theo mẫu tại Phụ lục 56);

+ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc Cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Cấp lại lần thứ ...).

Phí thẩm định:

- Tại thành phố, các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 56
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013
của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:(1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....(1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..... ngày..... tháng.....năm.....cho....
7. Đã được UBND huyện (quận).....(1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....(1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên cấp huyện nơi thương nhân xin cấp lại Giấy phép
- (2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.